TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1835/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1079/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 575/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 478/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hồng T, năm sinh: 1981; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã X, huyện C, tỉnh T; địa chỉ tạm trú: Số 135 đường T, KP 4, phường H, quận B, Thành phố H; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Hồ Đức D, năm sinh: 1982; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã X, huyện C, tỉnh T; địa chỉ tạm trú: Số 135 đường T, KP 4, phường H, quận B, Thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12/7/2018, các bản tự khai, biên bản hòa giải và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - Bà Lê Thị Hồng T trình bày:

Bà Lê Thị Hồng T và Ông Hồ Đức D tự nguyện chung sống với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2011 quyển 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Xuân Sơn, huyện Châu Đức,

tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 23/5/2011). Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Hồ Lê Hà M, sinh ngày 09/6/2012.

Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016, nhiều nhất vào đầu năm 2017 đến nay, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt, ông D có hành vi bạo lực gia đình, nhiều lần đánh đập bà T. Các bên đã nhiều lần trao đổi, tạm sống xa nhau để tìm hướng giải quyết những mâu thuẫn nhằm hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không có kết quả. Sau khi trở lại chung sống thì ông D không thay đổi vẫn tiếp tục đánh đập và có lần gây thương tích cho bà T. Cuộc sống chung không hạnh phúc nên vợ chồng đã tự sống ly thân khoảng 6 tháng nay. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung với ông D nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Hồ Lê Hà M, sinh ngày 09/6/2012. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà T khai hai bên không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn- Ông Hồ Đức D trình bày:

Ông D và bà T chung sống, đăng ký kết hôn và có 01 con chung và những mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đúng như bà T đã trình bày. Tuy nhiên, những bất đồng trong cuộc sống là do vợ chồng còn có những điểm chưa hiểu nhau. Ông thừa nhận nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình nhưng sự việc xảy ra là do lúc say xỉn không làm chủ được bản thân; lúc nóng giận đánh vợ nhằm mục đích cho bà T bình tĩnh lại, có lần gây thương tích cho bà T nhưng ông không cố ý. Ông vẫn còn thương vợ, con nên mong muốn bà T cho thêm thời gian để ông có cơ hội sửa đổi những khuyết điểm.

Về con chung: Ông đồng ý giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Hồ Lê Hà M, sinh ngày 09/6/2012. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Ông D khai hai bên không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về Thủ tục tố tụng: Các văn bản tố tụng của Tòa án đều được tống đạt cho đương sự theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng và đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình "Tranh chấp ly hôn". Bị đơn hiện đang cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đến Tòa án tham gia phiên hòa giải ngày 14/8/2018, trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn, đề nghị có thêm thời gian hai tháng để giải quyết mâu thuẫn. Sau đó, bị đơn vắng mặt không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Phiên tòa xét xử vụ án được mở vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 14/11/2018 và 08 giờ 30 phút ngày 30/11/2018, bị đơn - Ông Hồ Đức D đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do. Ngày 15/10/2018, nguyên đơn Bà Lê Thị Hồng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D và bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Lê Thị Hồng T và Ông Hồ Đức D chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo bà T trình bày thì mâu thuẫn vợ chồng do ông D có hành vi bạo lực gia đình, không tôn trọng, thường xuyên xúc phạm bà T; bà đã nhiều lần cho cơ hội để ông D thay đổi nhưng không có kết quả nên không thể tiếp tục chung sống; cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông D.

Trên cơ sở xem xét các chứng cứ và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung hiện tại của cả hai không hạnh phúc. Tòa án đã tiến hành hòa giải ngày 14/8/2018, ông D thừa nhận do những lúc không làm chủ được bản thân ông có hành vi bạo lực gia đình, ông đề nghị có thêm thời gian để có phương hướng giải quyết mâu thuẫn, đưa ra giải pháp khắc phục những khuyết điểm nhằm đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, sau đó ông D không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không nêu ra được giải pháp khắc phục những khuyết điểm bản thân, không đưa được phương hướng giải quyết mâu thuẫn gia đình. Do đó, căn cứ vào khoản 01 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Các đương sự đã thống nhất giao cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Hồ Lê Hà M, sinh ngày 09/6/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Các bên xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm :

Bà Lê Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0029813 ngày 24/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1,3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Hồng T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng T được ly hôn với Ông Hồ Đức D. Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2011 quyển 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Xuân Sơn, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 23/5/2011 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Hồ Lê Hà M, sinh ngày 09/6/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Các bên xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0029813 ngày 24/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận BìnhTân;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Cơ quan cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Nguyễn Thị Ngọc Em